

CỤC THADS TỈNH BÌNH THUẬN  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
HUYỆN TUY PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 436/TB-THADS

Tuy Phong, ngày 28 tháng 5 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản**

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 100/DSPT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 81/QĐ-CCTHADS ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 18/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 219/2025/19/BDS-BTh ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt;

Do đương sự không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, địa chỉ: đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

1. Quyền sử dụng đất ở nông thôn diện tích 207,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xóm 9, thôn Hiệp Đức 2, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Đất ở đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận số BG 909547, sổ vào sổ cấp GCN: CH-00438 ngày 14/11/2011 đứng tên Lê Thị Mỹ Ánh, giá khởi điểm là **1.392.434.100 đồng** (Một tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm đồng)

2. Tài sản gắn liền với đất (gọi chung là công trình xây dựng):

Nhà ở cấp 4 có diện tích 140,16 m<sup>2</sup> xây dựng vào năm 2013 (nhà ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu)

Nhà ở có kết cấu như sau:

- Mái lợp bằng la phong, nền ốp gạch ceramic

- Tường ốp gạch hoa cao khoảng 1,2 mét và một phần tường trét vữa xi măng. Phía trước ốp đá hoa cương dán gạch cao 1,6 mét
- Cửa bằng gỗ (phía trước 4 cánh, bên hông 2 cánh)
- Phía trước có mái hiên bằng tôn xi măng dạng sóng diện tích 6mx11,19m, nền xi măng
- Nhà ở gồm: 1 (một) phòng khách; 01 (một) phòng ngủ nhỏ diện tích 3mx3m; 01 (một) phòng ngủ diện tích 3,4mx3m; 02 (hai) nhà vệ sinh (2 bên hông nhà, phía sau nhà vệ sinh có giếng trời)

Giá khởi điểm của công trình xây dựng trên đất là 412.380.450 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

**Tổng cộng giá trị các tài sản (1) và (2) làm tròn: 1.804.815.000 đồng**  
(Một tỷ, tám trăm linh bốn triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng)

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

**Tiêu chí lựa chọn tổ chức tổ chức đấu giá tài sản:**

Các Tổ chức Đấu giá tham gia tổ chức đấu giá phải hội đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, gồm các tiêu chí sau:

| TT        | NỘI DUNG                                                                                              | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>             |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                        | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                  | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b> | <b>19,0</b>        |
| 1.        | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                               | 10,0               |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                              | 5,0         |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                                     | 5,0         |
| 2.  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>5,0</b>  |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                               | 2,0         |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                               | 3,0         |
| 3.  | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | <b>2,0</b>  |
| 4.  | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                                         | 1,0         |
| 5.  | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                             | 1,0         |
| III | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                             | <b>16,0</b> |
| 1.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>  |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0         |
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                  | <b>4,0</b>  |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                               | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an</b>                                                                                                                                                                 | <b>4,0</b>  |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|           | <b><i>toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
| <b>IV</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>57,0</b> |
| <b>1.</b> | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>15,0</b> |
| 1.1       | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 12,0        |
| 1.2       | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 13,0        |
| 1.3       | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 14,0        |
| 1.4       | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 15,0        |
| <b>2.</b> | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>7,0</b>  |
| 2.1       | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0         |
| 2.2       | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0         |
| 2.3       | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6,0         |
| 2.4       | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7,0         |
| <b>3.</b> | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i></b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                        | <b>7,0</b>  |
| 3.1       | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0         |
| 3.2       | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0         |
| 3.3       | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6,0         |
| 3.4       | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7,0         |
| <b>4.</b> | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i></b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.<br>Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 | <b>3,0</b>  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                             | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0 |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của</b> | 4,0 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b>doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0 |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0 |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                          | 8,0 |
| 1.  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br><br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | Đấu giá tài sản<br>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)                                                                                                                                                                       |            |
| 2.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| 3.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 4,0        |
| 4.                  | Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)                                                                                                                                                                             | 3,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>100</b> |

### Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ bán đấu giá
2. Hồ sơ năng lực và bảng chấm điểm của tổ chức bán đấu giá tài sản theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp,
3. Giấy phép đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác có liên quan, phương án đấu giá tài sản, bảng chi tiết tính tạm thời thù lao dịch vụ bán đấu giá và chi phí khác trong việc tổ chức bán đấu giá tài sản.

**Thời gian nộp hồ sơ:** Từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 đến hết ngày 02 tháng 6 năm 2025.

**Hình thức nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (trong giờ hành chính).

**Địa chỉ nộp hồ sơ:** Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ: đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại: 0912.520.044.

### Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Qua Đình Thiện**